IV. CHÚ THÍCH   
1. Bên cạnh những đơn vị rõ ràng là từ, trong tiếng Việt có một số lượng rất lớn đơn   
vị từ vựng, cổ người cho là từ, có người cho là ngữ (cố định), như *đường thẳng, máy*   
quay *đĩa, làm ruộng,* lạnh *ngắt,* v.v. Ranh giới của *từ* trong tiếng Việt là *một* vấn   
đề cực kí phức *tạp,* trong nhiều trường hợp ý kiến chưa có được sự nhất trí. Trong   
tình hình như vậy, quyển từ điển này tạm chú *“từ* loại” (theo hệ thống và tên gọi   
*từ* loại trong ngữ pháp tiếng Việt, Ủy ban Khoa học xã hội, Nxb Khoa học xã hội,   
Hà Nội, 1983) một cách rộng rãi, không những cho các từ, *mà* cả cho các ngữ cố   
định. Như vậy, khi một đơn vị mục *từ* được chú *“từ loại”* thì có nghĩa là đơn vị đó   
có thể là từ, nhưng cũng có thể là một ngữ cố định. Cụ thể chú tất cả tấm *từ* loại   
- d, (danh *từ,* hay danh ngữ hoặc tổ hợp tương đương);   
- đg.(động từ, hay động ngữ hoặc tổ hợp tương đương);   
- t (tính từ, hay tính ngữ hoặc tổ hợp tương đương);   
- đ.(đại từ, hay tổ hợp đại từ);   
- p.(phụ từ, hay tổ hợp phụ từ);   
- k. (kết từ, hay tổ hợp kết từ);   
- tr *(trợ* từ, hay tổ hợp trợ từ);   
- c. (cảm từ, hay tổ hợp cảm tù).   
2. Trong trường hợp có sự *lưỡng* lự giữa hai khả năng quy *từ* loại (thương là giữa   
động từ và tính từ), thì chú cả hai khả năng, theo kiếu:”đg. hay t.” để tiện cho   
người đọc tham khảo.   
Khi có hiện tượng tạo từ theo lối chuyển từ loại, nghĩa *từ* vựng về căn bản không   
khác, thì trong nhiều *trường* hợp không *tách* thêm một đơn vị đồng âm, mà chỉ chú   
đơn giản từ loại theo kiểu:   
- hoài nghỉ đg. (hoặc d.).   
3. Các chú thích về phong cách, sắc thái tu từ, phạm vi sử dụng được đặt trong ngoặc   
đơn, thường là ngay trước mỗi định nghĩa. Nếu là chú thích chung cho tất cả các   
nghĩa của một từ đa nghĩa thì được ghi ngay ở đầu, trước tất cả *các* định nghĩa và   
liên sau chú thích về từ loại.   
Quyển từ điển này dùng *mấy* chú thích chung sau đây:   
- cũ;   
- ph. (phương ngữ);   
- vch. (văn chương);   
- trt. (trang trọng);   
- *knpg.* (khẩu ngữ);   
- thợt. (thông tục);   
- kc. (kiểu cách);   
- chm. (chuyên môn; chỉ chú trong trường hợp cần phân biệt một nghĩa chuyên   
môn, dùng trong khoa học - Kĩ thuật với nghĩa thông thường của từ ngữ);

. \_ GA TT 0t ng h0. chức săng cá pháp đệ   
biệt của từ ngữ, kiểu phU- ĩ   
hon reo vn   
- ( có thể) dùng làm phần phụ trong caầu,v.v.   
*A4* Ouvển từ điển này dùng lối chuyển chủ: **8** *X.* **7**   
" .„scn.a (cúng *DÖI* G7.   
—=   
vàng *Ở* từ với vàng)   
ca dao